

QUỐC HỘI KHÓA XIV  
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /ĐĐBQH-VP

Gia Lai, ngày 22 tháng 8 năm 2016

V/v các bộ trả lời ý kiến, kiến nghị  
của cử tri tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy Gia Lai;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Gia Lai;
- Thường trực HĐND, UBND và UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố.

Trước kỳ họp thứ mười một, Quốc hội khóa XIII, Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIII tỉnh Gia Lai tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chỉ đạo.

Đến nay, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận công văn của các bộ trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai như sau:

1- Công văn số 5567/BKHĐT-TH ngày 15/7/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc:

- “Trong giai đoạn 2016 - 2020, đề nghị Chính phủ tăng cường đầu tư nguồn lực cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là ở địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.”

- “Cử tri phản ánh, hiện nay tình trạng nhiều địa phương xây dựng quảng trường, tượng đài và trụ sở làm việc quá “hoành tráng”, gây lãng phí ngân sách nhà nước. Trong tình hình kinh tế đất nước đang khó khăn, nợ công tăng cao, đề nghị Chính phủ ban hành, hoàn thiện các quy định cụ thể và chỉ đạo các cấp, ngành tăng cường quản lý, kiểm soát đầu tư công và thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.”

2- Công văn số 6502/BCT-KH ngày 14/7/2016 của Bộ Công Thương, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: “Cử tri, nhân dân kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam giảm 50% sản lượng phát điện của nhà máy thủy điện An Khê - KaNak để trả lại dòng nước sông Ba bình thường như trước khi có công trình thủy điện, nhằm đảm bảo nguồn nước sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân thị xã An Khê và các huyện phía Nam của tỉnh Gia Lai.”

3- Công văn số 6541/BCT-KH ngày 15/7/2016 của Bộ Công Thương, trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai về việc: “Thời gian qua, tình hình phương tiện vận chuyển hàng giả, hàng lậu xảy ra nhiều nơi, diễn biến phức tạp nhưng chế tài xử lý chưa nghiêm, chưa đảm bảo yêu cầu giáo dục, răn đe nên vẫn còn nhiều trường hợp tái phạm. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cử tri đề nghị Chính phủ tăng mức

xử phạt vi phạm hành chính, cần quy định tịch thu phương tiện vận chuyển hàng lậu, hàng giả trong trường hợp người điều khiển phương tiện vận tải không khai báo và cơ quan chức năng không xác định được chủ sở hữu của số hàng lậu, hàng giả trên phương tiện vận tải đó.”

(Kèm theo bản sao 03 công văn).

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thông báo đề Quý cơ quan nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và phổ biến cho cử tri biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các vị ĐBQH khoá XIV (tỉnh Gia Lai);
- PCVP Nguyễn Duy Hiếu;
- Lưu VPĐDBQH. *HL*

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**  
**KT. TRƯỞNG ĐOÀN**  
**PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Đinh Duy Vượt**

Số: 5567 /BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới  
Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số: 173	
Ngày: 08/7/2016	Kính gửi: Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai
Chuyên:	

Thực hiện yêu cầu của Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 92/BDN ngày 28 tháng 04 năm 2016 đề nghị trả lời các kiến nghị của cử tri địa phương gửi tới Kỳ họp thứ 11, Quốc hội Khoá XIII, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và trả lời các kiến nghị thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư của cử tri tại phụ lục kèm theo.

Kính đề nghị Đồng chí trả lời cho cử tri được biết./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT;
- Các đơn vị liên quan (theo d/s kèm theo);
- Lưu VT, Vụ THKTQD (2b).

A54



**Nguyễn Chí Dũng**

Phụ lục

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI  
GỬI TỚI KỲ HỌP THỨ 11, QUỐC HỘI KHÓA XIII  
LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo văn bản số 5567 /BKHĐT-TH ngày 15 tháng 7 năm 2016  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**Kiến nghị 1 (Số thứ tự 18 theo văn bản số 92/BDN):**

*Trong giai đoạn 2016-2020, đề nghị Chính phủ tăng cường đầu tư nguồn lực cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là ở địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.*

**Trả lời:**

Nghị quyết số 26/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn quy định: “Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 khóa X, đảm bảo vốn 5 năm sau cao gấp 2 lần 5 năm trước. Tăng vốn đầu tư công phát triển nông nghiệp, nông thôn cho các vùng trọng điểm, các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh cao, đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia, các tỉnh nghèo, tỉnh miền núi, những địa phương khó có điều kiện thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác, các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a và Chương trình 135 của Chính phủ.”

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, căn cứ khả năng cân đối vốn đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các Bộ, ngành trung ương, địa phương để bố trí vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và các địa bàn khó khăn theo quy định.

**Kiến nghị 2 (Số thứ tự 59 theo văn bản số 92/BDN):**

*Cử tri phản ánh, hiện nay tình trạng nhiều địa phương xây dựng quảng trường, tượng đài và trụ sở làm việc quá “hoành tráng”, gây lãng phí ngân sách nhà nước. Trong tình hình kinh tế đất nước đang khó khăn, nợ công tăng cao, đề nghị ban hành, hoàn thiện các quy định cụ thể và chỉ đạo các cấp, ngành tăng cường quản lý, kiểm soát đầu tư công và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.*

**Trả lời:**

Thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho một số địa phương lập quy hoạch và chuẩn bị đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính theo hướng bảo đảm đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hành chính tập trung, hiệu quả, sử dụng nguồn vốn đầu tư từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất các cơ sở nhà, đất hành chính cũ và ngân sách địa phương.

Tuy nhiên, trước thực tế đầu tư trung tâm hành chính của một số địa phương thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 2128/TTg-KTN ngày 24/11/2015 về việc tạm dừng đầu tư xây dựng Khu hành chính tập trung tại các địa phương, giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện việc đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính tập trung tại các địa phương trong thời gian qua và đề xuất giải pháp phù hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với việc tăng cường quản lý, kiểm soát đầu tư công: Chính phủ đã tập trung chỉ đạo hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện pháp luật liên quan đến đầu tư, trong đó đặc biệt là quản lý vốn đầu tư công.

- Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành nhiều dự án luật quan trọng, như: Luật Đầu tư công được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khoá XIII; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 6; Luật Đầu tư (sửa đổi) được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8; Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8; Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 4, thay thế Luật Hợp tác xã số 18/2003/QH12 (Luật Hợp tác xã 2003).

Tại Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đã quy định rõ nguyên tắc lập kế hoạch, bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Tại Điều 16 của Luật Đầu tư công quy định rõ các hành vi bị cấm trong đầu tư công. Trên cơ sở đó những dự án được đầu tư phải thuộc quy hoạch, được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, đồng thời thực hiện đúng thứ tự ưu tiên.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về tái cơ cấu đầu tư công, góp phần khắc phục bước đầu tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải, thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư, bao gồm: các nghị định hướng dẫn thi hành các luật liên quan đến công tác quản lý vốn đầu tư công<sup>1</sup>; các nghị quyết điều hành việc triển khai thực hiện

<sup>1</sup> Các Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư; số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN, trong đó có đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; các văn bản, chỉ thị chỉ đạo điều hành nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư công.

Ngoài ra, hằng năm, Thủ tướng Chính phủ còn ban hành các chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN, các văn bản chỉ đạo điều hành yêu cầu các bộ, ngành và địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ theo đúng các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy định pháp luật.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành các văn bản hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ hằng năm và trung hạn; hướng dẫn triển khai các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư công./.

---

về đăng ký doanh nghiệp; số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 hướng dẫn một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã; số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 155/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành kế hoạch và đầu tư; số 03/2013/NĐ-CP ngày 04/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư...

Số: 6502 /BCT-KH  
V/v trả lời ý kiến, kiến nghị  
của cử tri tỉnh Gia Lai về giám  
sản lượng phát điện của nhà  
máy thủy điện An Khê -  
KaNak

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Theo báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII của Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển tới Bộ Công Thương tại Văn bản số 925/BDN ngày 28 tháng 4 năm 2016, cử tri có ý kiến như sau:

*Cử tri, nhân dân kiến nghị Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam giảm 50% sản lượng phát điện của nhà máy thủy điện An Khê - KaNak để trả lại dòng nước sông Ba bình thường như trước khi có công trình thủy điện, nhằm bảo đảm nguồn nước sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân thị xã An Khê và các huyện phía Nam của tỉnh Gia Lai.*

Bộ Công Thương xin được trả lời như sau:

Dự án thủy điện An Khê - Ka Nak chuyển lượng nước khoảng 10% của lưu vực sông Ba (1.236 km<sup>2</sup>) sang sông Kôn tỉnh Bình Định để lợi dụng chênh cao địa hình khoảng 360 m giữa 2 lưu vực này để phát điện. Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường thủy điện An Khê - Ka Nak đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt thì biện pháp giảm thiểu tác động dòng chảy hạ lưu đập An Khê là duy trì lưu lượng xả về hạ du trong 8 tháng mùa kiệt với lưu lượng trung bình từ 2,2 m<sup>3</sup>/s đến 3,56 m<sup>3</sup>/s. Ngoài ra, tại Quyết định số 2994/QĐ-BNN-KH ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng tổng hợp và bảo vệ nguồn nước lưu vực sông Ba cũng đã đưa ra yêu cầu xả nước sau đập An Khê để đảm bảo dòng chảy cho nhu cầu nước hạ du trong 8 tháng mùa cạn là từ 2,23 m<sup>3</sup>/s đến 3,56 m<sup>3</sup>/s. Như vậy, trước khi xây dựng đã có các nghiên cứu, tính toán một cách đầy đủ và có cơ sở khoa học để đưa ra các giải pháp công trình cũng như các số liệu cụ thể về việc đảm bảo tránh các rủi ro về điều kiện về môi trường - xã hội đối với hạ lưu đập An Khê trên sông Ba.

Để điều hòa nguồn nước trên lưu vực sông Ba, giảm thiểu đến nguồn nước sử dụng sau đập An Khê và phối hợp vận hành các hồ chứa trên lưu vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tính toán, xây dựng Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2014, trong đó có nhiệm vụ đảm bảo nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du. Theo đó, đối với hồ An Khê trong mùa lũ, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phải xả nước về sông

Ba với lưu lượng đến  $4 \text{ m}^3/\text{s}$ . Trong mùa cạn, hồ An Khê phải vận hành xả duy trì liên tục với lưu lượng:

- Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 6, trong thời gian từ 6 giờ đến 19 giờ: không nhỏ hơn  $8 \text{ m}^3/\text{s}$ , nếu lưu lượng đến hồ Ka Nak trung bình ngày hôm trước lớn hơn  $8 \text{ m}^3/\text{s}$ ; không nhỏ hơn  $6 \text{ m}^3/\text{s}$ , nếu lưu lượng đến hồ Ka Nak trung bình ngày hôm trước nhỏ hơn  $8 \text{ m}^3/\text{s}$ .

- Ngoài thời gian trên, phải xả lưu lượng không nhỏ hơn  $4 \text{ m}^3/\text{s}$ .

Ngoài ra, để đảm bảo lượng nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp,... thì hồ chứa phải vận hành đảm bảo mực nước tối thiểu tại từng thời điểm trong mùa cạn theo quy định, nếu không Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có công trình quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ để đảm bảo mực nước trong thời kỳ tiếp theo. Trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi có công trình chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan lập kế hoạch, phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất để chỉ đạo các hồ điều tiết xả nước cho hạ du. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa.

Trong năm 2015, lưu lượng tự nhiên về hồ An Khê trung bình thấp hơn rất nhiều so với lưu lượng tự nhiên về hồ An Khê trung bình nhiều năm nhưng hồ An Khê vẫn cung cấp nước về hạ du sông Ba 76% tổng lượng nước về hồ.

Những tháng đầu năm 2016, lượng nước về tiếp tục giảm thấp, đặc biệt là khu vực miền Trung. Lưu lượng dòng chảy tự nhiên về các hồ chứa An Khê - Ka Nak thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm, theo đó, lưu lượng trung bình về hồ Ka Nak ở mức  $3,44 \text{ m}^3/\text{s}$  và mức thấp nhất là  $1,26 \text{ m}^3/\text{s}$  (ngày 16/4). Để đảm bảo nhiệm vụ chống hạn, cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho vùng hạ du sông Ba, hồ thủy điện An Khê xả liên tục với lưu lượng lớn hơn  $5 \text{ m}^3/\text{s}$  để cung cấp nước cho hạ du sông Ba. Với lưu lượng này, 4 tháng đầu năm 2016, tổng lượng nước từ hồ thủy điện An Khê - Ka Nak cung cấp cho hạ du sông Ba khoảng 54 triệu  $\text{m}^3$  trong khi lượng nước về hồ Ka Nak là 54 triệu  $\text{m}^3$ . Nếu không có hồ thủy điện cung cấp nước thì lưu lượng dòng chảy tự nhiên trên sông Ba về hồ Ka Nak chỉ là  $1,29 \text{ m}^3/\text{s}$  thay vì đó, vùng hạ du sông Ba đang được cung cấp từ hồ thủy điện An Khê với lưu lượng trên  $5,17 \text{ m}^3/\text{s}$ . Như vậy, trong thời gian vừa qua hồ chứa thủy điện An Khê - Ka Nak đóng góp vai trò không nhỏ trong việc điều tiết cung cấp nhu cầu nước cho hạ du sông Ba. Việc kiến nghị thủy điện An Khê - Ka Nak trả lại dòng nước sông Ba bình thường như trước khi có công trình thủy điện sẽ khó đủ nước cung cấp nước tối thiểu nhu cầu cho hạ du trong điều kiện hạn hán như hiện nay.

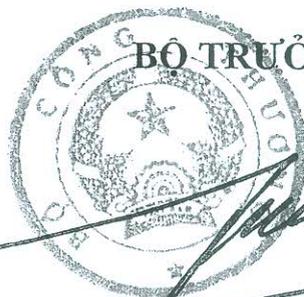
Bộ Công Thương sẽ tiếp tục chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam tuân thủ kế hoạch, phương án tích, xả nước các hồ chứa An Khê và Ka Nak được Ủy

ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt, ưu tiên trước hết cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp ở vùng hạ lưu đập An Khê.

Thông qua đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai, Bộ Công Thương xin cảm ơn cử tri đã quan tâm đến vấn đề nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện-UBTVQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Lãnh đạo Bộ;
- TCNL;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Lưu: VT, KH (02).



**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Tuấn Anh**

**BỘ CÔNG THƯƠNG      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6541** /BCT-KH  
V/v trả lời ý kiến, kiến nghị  
của cử tri Thành phố Hồ Chí  
Minh và tỉnh Gia Lai về xử  
phạt vận chuyển hàng lậu

Hà Nội, ngày **15** tháng 7 năm 2016

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh;  
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Theo báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII của Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển tới Bộ Công Thương tại Văn bản số 92/BDN ngày 28 tháng 4 năm 2016, cử tri có ý kiến như sau:

*Thời gian qua, tình trạng phương tiện vận chuyển hàng giả, hàng lậu xảy ra nhiều nơi, diễn biến phức tạp nhưng chế tài xử lý chưa nghiêm, chưa đảm bảo yêu cầu giáo dục, răn đe nên vẫn còn nhiều trường hợp tái phạm. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cử tri đề nghị Chính phủ tăng mức xử phạt vi phạm hành chính, cần quy định tịch thu phương tiện vận chuyển hàng lậu, hàng giả trong trường hợp người điều khiển phương tiện vận tải không khai báo và cơ quan chức năng không xác định được chủ sở hữu của số hàng lậu, hàng giả trên phương tiện vận tải đó.*

Bộ Công Thương xin được trả lời như sau:

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Việc quy định hình thức xử phạt, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- a) Tính chất, mức độ xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước của hành vi vi phạm; đối với hành vi vi phạm không nghiêm trọng, có tính chất đơn giản, thì phải quy định hình thức xử phạt cảnh cáo;
- b) Mức thu nhập, mức sống trung bình của người dân trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- c) Mức độ giáo dục, răn đe và tính hợp lý, tính khả thi của việc áp dụng hình thức, mức phạt”.

Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức”.

Do vậy, tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và báo cáo Chính phủ quy định hình thức, mức xử phạt đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vận chuyển hàng giả, hàng lậu phù hợp quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại.

Thông qua đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Gia Lai, Bộ Công Thương xin cảm ơn cử tri đã quan tâm đến vấn đề nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện-UBTVQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cục QLTT;
- Lưu: VT, KH (02).

**BỘ TRƯỞNG**



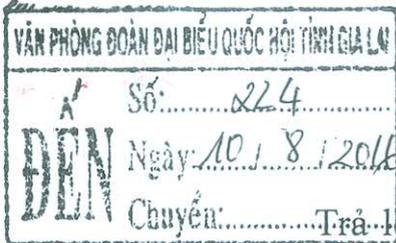
*Trần Tuấn Anh*

**Trần Tuấn Anh**

Số: 2334 /LĐTBXH-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2016

V/v trả lời kiến nghị cử tri tại  
kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII,  
lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước,  
việc làm



Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Trả lời Công văn số 92/BDN ngày 28/04/2016 của Ban Dân nguyện và Công văn số 3683/VPCP-V.III ngày 20/5/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo như sau:

## **I. VỀ LĨNH VỰC VIỆC LÀM**

**1. Cử tri đề nghị Chính phủ quan tâm thực hiện tốt các chế độ cho các đối tượng chính sách, đổi mới và hoàn thiện chính sách việc làm cho người lao động (Cử tri thành phố Hải Phòng - Kiến nghị số 50).**

Thời gian qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Bộ luật lao động (2012), Luật Việc làm (2013), Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Luật Bảo hiểm xã hội (2014), Luật An toàn vệ sinh lao động (2015)... góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách về lao động - việc làm, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động, phù hợp với quá trình hội nhập của đất nước. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình; chính sách nhằm thúc đẩy việc làm bền vững cho người lao động thông qua việc xây dựng, triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020; hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động, nhất là lao động khu vực nông thôn, lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số thông qua việc thực hiện chính sách việc làm công; hỗ trợ việc làm cho thanh niên thông qua việc hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; hỗ trợ tìm việc làm cho người thất nghiệp thông qua chính sách bảo hiểm thất nghiệp...

**2. Cử tri tiếp tục lo lắng về tình trạng số lượng sinh viên ra trường không tìm được việc làm ngày càng tăng, tạo gánh nặng cho gia đình và xã hội. Nguyên nhân là do tỷ lệ cung cầu thị trường lao động hay do chương trình đào tạo của nước ta có vấn đề? Đề nghị nghiên cứu tìm nguyên nhân chủ yếu, nhằm có giải pháp tối ưu tháo gỡ vấn đề này; quan tâm nhiều hơn nữa đến việc giải quyết việc làm cho người dân; nghiên cứu đề án, cơ chế,**

chính sách phù hợp để hỗ trợ, giải quyết việc làm cho sinh viên đã tốt nghiệp đại học, vì hiện nay, tỷ lệ thất nghiệp của đối tượng này rất cao, gây lãng phí nguồn nhân lực của xã hội (Cử tri các tỉnh An Giang, Bến Tre - Kiến nghị số 56).

- Cử tri kiến nghị xem xét có chính sách hỗ trợ việc làm cho đối tượng là con em người dân tộc thiểu số, vì hiện nay đối tượng trên đang gặp rất nhiều khó khăn về việc làm sau khi đã học xong bậc cao đẳng, đại học (Cử tri tỉnh Đồng Nai - Kiến nghị số 62).

- Trong thời gian qua, tình trạng tội phạm không ngừng tăng lên, ngày càng phức tạp, tinh vi, nhất là tình trạng cướp của, giết người, sử dụng ma túy gia tăng do ảnh hưởng của phim ảnh, game, văn hóa ngoại lai ... và có dấu hiệu trẻ hóa. Cử tri đề nghị Chính phủ tiếp tục tăng cường tạo việc làm cho thanh niên để từng bước đẩy lùi tình trạng tội phạm, đảm bảo an sinh xã hội (Cử tri tỉnh Thừa Thiên Huế - Kiến nghị số 3 - Công văn số 3683/VPCP-V.III).

Hiện nay, thực trạng khá phổ biến là nhiều sinh viên ra trường gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm, không ít người tìm được việc làm nhưng lại phải làm việc trái ngành nghề đào tạo, gây lãng phí về thời gian, tài chính của bản thân, gia đình và xã hội.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Về nguyên nhân khách quan: chất lượng giáo dục - đào tạo; cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa hợp lý; khả năng tạo việc làm của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế; các chính sách ưu đãi đối với thanh niên có trình độ về làm việc ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa thực sự hấp dẫn, trong khi sức hút ở thành thị khá lớn, dẫn tới một bộ phận lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp không muốn trở về địa phương, gây sức ép về việc làm ở khu vực thành thị; dự báo thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn yếu; thông tin về việc làm, nghề nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời; hoạt động định hướng nghề nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm còn hạn chế; việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chưa hiệu quả. Về nguyên nhân chủ quan về phía người lao động, nhất là học sinh, sinh viên: thiếu các kỹ năng “mềm”; một bộ phận còn trông chờ và ỷ lại vào gia đình trong việc tìm việc làm, tâm lý muốn làm cơ quan nhà nước cho ổn định, chưa chủ động, nỗ lực trong tìm kiếm việc làm...

Với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, việc làm và dạy nghề, trong thời gian qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực triển khai các hoạt động, giải pháp như tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội thông qua Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi), Luật Việc làm năm 2013, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; trình Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2015; Chiến lược dạy nghề đến năm 2020, ... Bên cạnh đó, Bộ đã tăng cường hướng dẫn chỉ đạo việc thực hiện các mục tiêu về dạy nghề, tạo việc làm tại các địa phương. Tuy nhiên để giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và thanh niên nói riêng, trong đó có thanh niên, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao

đảng (bao gồm cả sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số) đòi hỏi sự tham gia của các ngành, các cấp và trực tiếp là các địa phương, trong đó việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương có ý nghĩa quyết định trong việc đẩy mạnh giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên, sinh viên, góp phần sử dụng nguồn nhân lực trẻ, có chất lượng và đảm bảo an sinh xã hội. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã, đang và sẽ tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Triển khai đồng bộ và có hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, trong đó có quy định chính sách hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp;

- Chỉ đạo hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh dự báo thông tin thị trường lao động và phổ biến thông tin việc làm, chỗ làm việc trống giúp thanh niên, sinh viên có cơ hội việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp;

- Xây dựng hệ thống và tăng cường cung cấp thông tin về thị trường lao động theo địa phương, vùng, ngành và kết nối thành thông tin thị trường lao động quốc gia; thực hiện các giải pháp hữu hiệu để thu hút lao động đã qua đào tạo từ nơi dư thừa (các thành phố lớn, vùng đã phát triển) đến làm việc ở nơi có nhu cầu;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) định kỳ hàng quý công bố Bản tin cập nhật Thị trường lao động, cung cấp thông tin về tình hình việc làm, số lượng và tỷ lệ có việc làm, thất nghiệp theo từng trình độ đào tạo, ngành nghề, khu vực để gia đình, xã hội và người học có cơ sở định hướng nghề nghiệp, lựa chọn ngành để học và công việc để làm hạn chế tình trạng thất nghiệp sau đào tạo;

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện công tác phân luồng học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp tham gia vào thị trường lao động; tăng cường công tác dự báo thông tin thị trường lao động phục vụ cho việc sinh viên tiếp cận làm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp;

- Phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nghiên cứu, xây dựng Đề án hỗ trợ thanh niên khởi sự doanh nghiệp, lập nghiệp.

**3. Cử tri bày tỏ sự lo lắng về việc lao động là người Trung Quốc sang làm việc tại nước ta ngày càng đông, đã có những dấu hiệu cho thấy sự bất ổn về an ninh, trật tự, thậm chí an ninh quốc gia; trong khi đó, lao động trong nước lại không có việc làm. Đề nghị tăng cường các biện pháp quản lý nhằm khắc phục tình trạng trên (Cử tri thành phố Đà Nẵng - Kiến nghị số 58 và Kiến nghị số 1- Công văn số 3683/VPCP-V.III).**

**- Quản lý chặt chẽ đối với lao động nước ngoài, nhất là lao động người Trung Quốc tại nước ta (Cử tri tỉnh Tuyên Quang - Kiến nghị số 67).**

1. Các nước đều xây dựng các quy định về việc tiếp nhận, cấp phép và quản lý lao động là người nước ngoài. Các quy định này đều hướng tới hai mục tiêu: Một là, bảo vệ việc làm cho lao động trong nước; Hai là, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tuyển chọn được lao động mà lao động trong nước chưa đáp ứng được. Hai mục tiêu này phải hài hòa.

2. Việc tiếp nhận lao động nước ngoài và nước ngoài tiếp nhận lao động Việt Nam là bình thường trong quá trình hội nhập.

3. Thời gian vừa qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thường xuyên phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ để hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường công tác hướng dẫn, chia sẻ thông tin; thanh tra, kiểm tra tình hình cấp giấy phép lao động và việc sử dụng lao động nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức; đồng thời giúp địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện quy định của pháp luật, xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan ở địa phương trong việc quản lý lao động nước ngoài, tháo gỡ các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức quản lý lao động nước ngoài và thực hiện các quy định của pháp luật về lao động nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã đề xuất nhiều giải pháp yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu và người sử dụng lao động phải thực hiện đúng quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm pháp luật lao động, đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp khắc phục các vi phạm và thực hiện đúng pháp luật lao động.

Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, hạn chế tối đa tình trạng lao động nước ngoài làm việc trái quy định, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân địa phương.

4. Ngày 4/8/2014, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Công văn số 2779/LĐTBXH-VL về việc thông báo áp dụng điều kiện đã được điều chỉnh đối với lao động người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam tại Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 8/7/2014 phiên họp thường kỳ Chính phủ 6 tháng đầu năm 2014. Trong đó điều chỉnh khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 5/9/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Nhưng đến nay Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội vẫn chưa đề xuất sửa đổi Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 5/9/2013 của Chính phủ. Do đó, đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi Nghị định số 102/2013/NĐ-CP cho phù hợp với Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 8/7/2014 (Cử tri tỉnh Long An - Kiến nghị số 67).

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 3/2/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thay

thể Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam).

## **II. VỀ LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC**

**1. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Luật đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đặc biệt là công tác quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động; nghiên cứu điều chỉnh quy trình đưa người đi lao động ở nước ngoài. Trong đó quy định vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp và các đơn vị liên quan trong việc đưa người đi lao động ở nước ngoài, trách nhiệm quản lý lực lượng lao động di cư tự do sau đó ở lại nước ngoài làm việc; đồng thời rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại các doanh nghiệp xuất khẩu lao động (Cử tri các tỉnh Hà Tĩnh, Nam Định - Kiến nghị số 55).**

Hiện nay, Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2007 đã quy định rõ về quy trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc quản lý hoạt động xuất khẩu lao động, quản lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đối với những công dân đi ra nước ngoài tự do và ở lại làm việc bất hợp pháp theo luật pháp nước sở tại cũng được các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại bảo hộ lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thực hiện, Luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã bộc lộ những bất cập, hạn chế cần phải sửa đổi, bổ sung. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang chuẩn bị đánh giá toàn diện Luật và dự kiến trình Quốc hội vào năm 2019.

**2. Xuất khẩu lao động đã góp phần giải quyết việc làm, mang lại nguồn thu nhập lớn, giúp nhiều gia đình có điều kiện tích lũy, cải thiện đời sống. Tuy nhiên, thời gian gần đây liên tiếp có nhiều trường hợp người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài bị ngược đãi bằng nhiều hình thức, người lao động gặp nhiều rủi ro, gia đình có người lao động xuất khẩu làm việc ở nước ngoài rất hoang mang, cử tri đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm có giải pháp can thiệp, bảo vệ người lao động Việt Nam ở nước ngoài (Cử tri tỉnh Quảng Ngãi - Kiến nghị số 63).**

Trong các năm qua, trung bình mỗi năm có 100.000 lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, gửi về từ 2 đến 2,2 tỷ đô la Mỹ, góp phần giảm sức ép tạo việc làm trong nước cũng như đem lại nguồn vốn vào hoạt động kinh tế của đất nước. Nhờ đó, người đi lao động nước ngoài đã có cơ hội thoát nghèo, đồng thời có điều kiện tích lũy, cải thiện đời sống.

Để quản lý và bảo vệ người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Ban Quản lý lao động tại các nước có nhiều lao động. Ở các nước không có nhiều lao động, Bộ đã phối

hợp với Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan đại diện trong việc bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp rủi ro như: Lao động phải về nước do chiến tranh, lao động không có việc làm đầy đủ hoặc không được người sử dụng lao động ở nước ngoài trả lương theo đúng hợp đồng đã ký,... Các trường hợp này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đều chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Ngoại giao và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại can thiệp, bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Hiện nay, Bộ đang phối hợp với Bộ Ngoại giao để chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường hơn nữa công tác quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kính gửi Quý Ban tổng hợp. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cục Việc làm, Cục QLĐNN;
- Lưu: VT, TKTH.



**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Ngọc Dung**

Số: 2333/LĐTBXH-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2016

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới  
kỳ họp thứ 11, QH khoá XIII, lĩnh vực  
lao động - tiền lương, bảo hiểm xã hội

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIANG LẠI	
Số: 224	
Ngày: 10/8/2016	
Chuyên:	

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Trả lời Công văn số 92/BDN ngày 28/4/2016 của Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 3698/VPCP-V.III ngày 20/5/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

**1. Đề nghị có chính sách hỗ trợ người nghỉ việc theo chế độ quy định tại Quyết định số 176-HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng vì những người đối tượng này gặp khó khăn và thiệt thòi so với những người nghỉ việc theo các chế độ sau này, đặc biệt những người có thời gian công tác từ 25 đến 35 năm (Kiến nghị số 48 của cử tri tỉnh Bắc Giang).**

Chế độ, chính sách đối với người lao động được ban hành phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của từng thời kỳ, theo đó chế độ thôi việc hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 176/HĐBT được ban hành phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của những năm đầu thập niên 1990, đã tháo gỡ một phần khó khăn cho các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế thị trường mà có nhiều lao động không bố trí, sắp xếp được việc làm, đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động tìm việc làm mới để nâng cao thu nhập nên được cả doanh nghiệp và người lao động đồng tình thực hiện, dư luận hoan nghênh.

Thời gian qua, một số người lao động nghỉ việc (trong đó có người lao động có thời gian công tác từ 25 năm trở lên) nhận trợ cấp một lần theo Quyết định số 176-HĐBT kiến nghị nhà nước có chính sách hỗ trợ. Để đảm bảo tính phù hợp của hệ thống chính sách, pháp luật trong từng thời kỳ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổng hợp báo cáo với các cơ quan liên quan và đề nghị đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp thì xem xét trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**2. Mức lương của cán bộ, công nhân viên của các công ty khai thác công trình thủy lợi còn thấp, đề nghị Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ để đảm bảo cuộc sống (Kiến nghị số 52 của cử tri tỉnh Hải Dương).**

Ngày 14/7/2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo Danh mục A và Danh mục B

quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (trong đó có quản lý khai thác công trình thủy lợi). Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH nêu trên thì tiền lương của sản phẩm, dịch vụ công ích được xác định trên cơ sở hệ số lương (kể cả phụ cấp lương nếu có) nhân với mức lương cơ sở và hệ số điều chỉnh tăng thêm không quá từ 0,5 đến 1,2 tùy theo địa bàn áp dụng lương tối thiểu vùng; Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quy định chi phí tiền lương đối với từng sản phẩm, dịch vụ công ích cụ thể; đơn vị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích tính toán, xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích để báo cáo Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đặt hàng, giao kế hoạch.

Căn cứ quy định nêu trên, tiền lương đối với sản phẩm, dịch vụ công ích về khai thác công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Vì vậy, đề nghị cử tri kiến nghị các công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương tính toán, xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích về khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và cơ quan liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp với mặt bằng tiền lương trên địa bàn tỉnh Hải Dương và đảm bảo tương quan hợp lý trong việc xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

**3. Cử tri có ý kiến về những người tham gia quân đội, lực lượng Thanh niên xung phong... trong những năm chiến tranh gian khổ sau 1975 nhất là nghỉ trước năm 1990 về nghỉ hưởng chế độ quá thấp. Những quân nhân tham gia về sau 1975, nay nghỉ hưu thì lại được hưởng chế độ cao hơn so với những người tham gia cách mạng 2 thời kỳ trước; vì vậy đề nghị Nhà nước sớm xem xét để điều chỉnh chính sách chế độ (Kiến nghị số 27 của cử tri tỉnh Đắk Nông).**

Cử tri cho rằng, hiện nay lộ trình tăng lương chưa hợp lý, không công bằng đối với những người nghỉ hưu trước đây. Đề nghị nên có mức tăng lương riêng đối với cán bộ hưu trí có mức lương thấp để họ có thể đảm bảo ổn định cuộc sống. Cử tri tiếp tục kiến nghị về mức lương của những người nghỉ hưu trước tháng 4/1993 là quá thấp không đủ trang trải cho cuộc sống mặc dù Nhà nước đã tăng 8% lương cho những người đã nghỉ hưu. Cử tri đề nghị xem xét tăng lương với tỷ lệ cao hơn cho nhóm đối tượng này vì hiện nay việc tăng đồng loạt 8% lương cho tất cả người nghỉ hưu dẫn đến người lương cao thì càng cao còn người lương thấp thì vẫn thấp (Kiến nghị số 47 của cử tri Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Bắc Kạn, Cà Mau).

**Rất nhiều đối tượng như cán bộ xã tham gia phục vụ kháng chiến trước đây, những người về hưu trước năm 1993 có mức lương quá thấp, không đủ sống (Kiến nghị tại văn bản số 3698/VPCP-V.III ngày 20/5/2016 của Văn phòng Chính phủ - cử tri tỉnh Quảng Bình).**

Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu tại các Kiến nghị số 27, 47 và 44 có chung nội dung về điều chỉnh mức lương hưu đối với những người nghỉ hưu trước

tháng 4/1993 có mức lương hưu thấp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin được trả lời như sau:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới đời sống của những người nghỉ hưu, trong đó có người nghỉ hưu trước tháng 4 năm 1993. Trong giai đoạn 2003- 2007, Chính phủ đã 05 lần điều chỉnh lương hưu với mức tăng từ 164,8% đến 228,8% (tùy thuộc vào mức lương khi nghỉ hưu và thời điểm nghỉ hưu) so với mức lương hưu của tháng 12 năm 2002, trong đó người nghỉ hưu trước tháng 9 năm 1985 và trước tháng 4 năm 1993 được điều chỉnh với tỷ lệ cao hơn những người nghỉ hưu ở giai đoạn từ tháng 4 năm 1993 trở về sau. Trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay, Chính phủ cũng đã 08 lần điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng với mức tăng thêm 168,5% so với cuối năm 2007.

Thông qua việc thực hiện điều chỉnh lương hưu qua các thời kỳ nêu trên, đời sống của người nghỉ hưu từng bước được cải thiện, tuy nhiên cũng vẫn còn một bộ phận người nghỉ hưu hiện có mức lương hưu thấp. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và kiến nghị phương án xử lý đối với mức lương hưu của người có mức lương hưu thấp, trình Chính phủ trong Quý IV/2015. Trên cơ sở đề xuất của Chính phủ, ngày 11/11/2015 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 99/2015/QH13 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, theo đó: (i) Từ ngày 01/01/2016, thực hiện điều chỉnh tiền lương đối với người có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động dưới 2.000.000 đồng/tháng và trợ cấp đối với giáo viên mầm non có thời gian công tác trước năm 1995 để lương hưu của các đối tượng này đạt mức lương cơ sở; (ii) Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2016, tiếp tục thực hiện mức điều chỉnh đối với các đối tượng được quy định tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội; (iii) Từ ngày 01/5/2016, lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công, tiếp tục giữ mức đã tăng 8% như đã thực hiện năm 2015.

Theo dự thảo Nghị định của Chính phủ thì (i) đối với người hưởng lương hưu mức tăng dự kiến là 250.000 đồng/người/tháng đối với người có mức lương hưu từ 1.750.000 đồng/người/tháng trở xuống; tăng lên bằng 2.000.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức lương hưu từ trên 1.750.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.000.000 đồng/người/tháng; (ii) đối với người hưởng trợ cấp hàng tháng, mức tăng thêm là 150.000 đồng/người/tháng đối với người có mức hưởng từ 1.850.000 đồng/người/tháng trở xuống; tăng lên bằng 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người có mức hưởng từ trên 1.850.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.000.000 đồng/người/tháng.

Như vậy, ở lần điều chỉnh lần này sẽ hướng đến đối tượng có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động và trợ cấp hàng tháng thấp, mức điều chỉnh tăng thêm cũng sẽ thực hiện theo số tiền tuyệt đối thay cho tỷ lệ như những lần điều chỉnh trước đây. Sau khi thực hiện việc điều chỉnh nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành để rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm trong thực hiện chính sách lương hưu trong thời gian tới.

Riêng về chính sách, chế độ đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

**4. Cử tri phản ánh hiện nay tình trạng né tránh, chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động tại các doanh nghiệp diễn ra khá phổ biến. Đề nghị tăng cường công tác quản lý và có chế tài đủ mạnh để xử lý vấn đề này (Kiến nghị số 49 của cử tri tỉnh Bắc Giang).**

Theo số liệu thống kê tính đến hết tháng 4/2016, tổng số nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là 14.901,3 tỷ đồng, chiếm 6,83% so với kế hoạch giao thu, tăng 1.215,7 tỷ đồng (8,9%) so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, số nợ bảo hiểm xã hội bắt buộc là 10.436,2 tỷ đồng; số nợ bảo hiểm thất nghiệp là 611,1 tỷ đồng; số nợ bảo hiểm y tế là 3.853,9 tỷ đồng. Phân tích cơ cấu số nợ bảo hiểm xã hội bắt buộc phân chia theo loại hình doanh nghiệp trong năm 2015 cho thấy, số nợ bảo hiểm xã hội bắt buộc vẫn tập trung nhiều ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm trên 60% tổng số nợ.

Để hạn chế tình trạng nợ đọng, chậm đóng bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động, thời gian qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có nhiều văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề nghị phối hợp đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương phối hợp thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; trong đó tập trung các hoạt động nhằm hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội, trước hết tập trung kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp nợ đọng, chậm đóng bảo hiểm xã hội, xử lý nghiêm các trường hợp có tình vi phạm.

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung nhằm tăng tính tuân thủ pháp luật, hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội như: quy định về quyền của người lao động định kỳ được cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; quyền thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội; quyền của tổ chức công đoàn khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; Tăng mức lãi đối với số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội lên bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội. Đặc biệt, Bộ luật hình sự (sửa đổi) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 đã bổ sung tội danh trốn đóng bảo hiểm xã hội. Theo đó, đối với tội danh trốn đóng bảo hiểm xã hội ngoài việc bị phạt tiền, có thể bị phạt tù đến 7 năm.

Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương tăng cường phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội.

**5. Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 67 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 theo hướng thân nhân của người chết sẽ được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng dù người đó có thu nhập hàng tháng không thấp hơn mức lương cơ sở (Kiến nghị số 51 của cử tri tỉnh Bắc Kạn).**

Chế độ tử tuất là chế độ bảo hiểm xã hội đối với thân nhân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bị chết. Chế độ này nhằm trợ giúp một phần tiền tang lễ và trợ giúp cho thân nhân của người lao động khi mất đi người trụ cột trong gia đình.

Chế độ tử tuất được thiết kế gồm có trợ cấp tuất hàng tháng hoặc trợ cấp tuất một lần. Thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng phải là những người mà người lao động khi còn sống phải có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, đó là những người đã hết tuổi lao động nhưng không có nguồn thu nhập hoặc thu nhập rất thấp (thấp hơn mức lương cơ sở); những người không còn khả năng lao động (bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên) và những người chưa đến tuổi lao động (con chưa đủ 18 tuổi). Đây là những người không còn khả năng hoặc chưa thể làm việc để có nguồn thu nhập nên khi mất đi người thân thì rất cần được sự hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm xã hội để góp phần đảm bảo cuộc sống.

Việc quy định thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng phải là người không có nguồn thu nhập hoặc thu nhập thấp hơn mức lương cơ sở cũng phù hợp với Công ước 102 về các chế độ bảo hiểm xã hội của Tổ chức Lao động quốc tế và đã được quy định ở nước ta kể từ khi có chế độ bảo hiểm xã hội cho đến nay. Còn đối với các trường hợp không đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng thân nhân lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần thì vẫn được giải quyết hưởng trợ cấp tuất một lần và không phụ thuộc vào thu nhập của thân nhân người lao động.

**6. Kiến nghị sớm xem xét, bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, để phù hợp với khoản 3 Điều 54 của Luật bảo hiểm xã hội để lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn được hưởng lương hưu theo quy định của luật (Kiến nghị số 53 của cử tri thành phố Cần Thơ).**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc mà có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

Quy định nêu trên nằm trong chương III về bảo hiểm xã hội bắt buộc nên thời gian đóng bảo hiểm xã hội quy định tại chương này là thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; đồng thời theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội thì cán bộ xã, phường, thị trấn (chuyên trách hoặc không chuyên trách) đều là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Chính vì vậy, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kính gửi Quý Ban tổng hợp. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng (để b/c),  
các Thứ trưởng, Vụ LĐTL, Vụ BHXH;
- VPCP, Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TK-TH.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

*Bà Minh Huân*  
**Bà Minh Huân**